

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - P phúc**

Bản án số: 31/2025/HS-PT
Ngày 12-5-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Bà Lê Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2025/TLPT-HS ngày 01 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Lê Thị L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2025/HS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Lê Thị L**, sinh năm 1959 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp A, xã Phú B, huyện Châu T, tỉnh Bến T; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); cT: Nguyễn Phước M, sinh năm 1955; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án: có 02 tiền án. Tại Bản án số: 06/2020/HS-ST ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 20.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong Bản án vào ngày 26/6/2020. Tại Bản án số: 47/2022/HS-PT ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong phần biện pháp tư pháp vào ngày 22/11/2021 và chấp hành xong hình phạt vào ngày 27/7/2023; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI G VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội G vụ án được tóm tắt như sau:

Mặc dù đã bị kết án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích. Nhưng vào khoảng 15 giờ 20 phút ngày 14/12/2023, lực lượng Công an xã Phú H, huyện Châu T, tỉnh Bến Tre phát hiện tại quán cà phê “Năm K” ở ấp F, xã Phú H, huyện Châu T, tỉnh Bến Tre (do bà Trương Thị W, sinh năm 1971 làm chủ) Lê Thị L đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số đề cho nhiều người nên tiến hành lập biên bản.

Vật chứng thu giữ gồm có: 11 tờ giấy có chữ ký xác nhận của Lê Thị L.

Quá trình điều tra xác định trong các ngày 11, 13 và 14/12/2023, Lê Thị L đã bán số đề cho nhiều người và có quy ước như sau: Đài Miền Nam nếu mua 02 con số (bao lô) thì có 18 lô, mua 1.000 đồng thắng 70.000 đồng; mua 03 con số (xiu chủ) thì có 17 lô, mua 1.000 đồng thắng 600.000 đồng; có 01 cặp số đầu và 01 cặp số đuôi, mua 1.000 đồng thắng 70.000 đồng; số đá mua 1.000 đồng thắng 600.000 đồng, đá xuyên mua 1.000 đồng thắng 500.000 đồng, cụ thể:

* Ngày 11/12/2023, Lê Thị L bán số đề cho:

1. Trương Thị K, sinh năm 1971, nơi cư trú: ấp Định K, xã Phú H, huyện Châu T, tỉnh Bến Tre đài T phổ Hồ Chí Minh: bao lô ba số 01, 41, 81 với số tiền 1000 đồng/01 lô, nên số tiền mua 03 số x 18 lô x 1.000 đồng = 54.000 đồng. Kết quả xổ số không trúng nên số tiền mà Lê Thị L và Trương Thị K đưa vào đánh bạc là 54.000 đồng.

2. Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982, nơi cư trú: ấp Định K, xã Phú H, huyện Châu T, tỉnh Bến Tre:

- Đài T phổ Hồ Chí Minh số 24 đá 64 với số tiền 1.000 đồng /1 lô, nên số tiền mua 02 số x 18 lô x 1.000 đồng = 36.000 đồng;

- Đài Đồng Tháp số 24 đá 64 với số tiền 1.000 đồng /1 lô, nên số tiền mua 02 số x 18 lô x 1.000 đồng = 36.000 đồng;

Kết quả xổ số không trúng nên số tiền mà Lê Thị L và Nguyễn Thị Thanh T đưa vào đánh bạc là 72.000 đồng.

Tổng số tiền mà Lê Thị L đưa vào đánh bạc trong ngày 11/12/2023 là 126.000 đồng.

* Ngày 13/12/2023, Lê Thị L bán cho:

1. Ngô Thị Kim F, sinh năm 1968, nơi cư trú: ấp Song Phú, xã Phú H, huyện Châu T, tỉnh Bến Tre:

- Đài Cần Thơ: Bao lô số 79 với số tiền 5.000 đồng/01 lô, nên số tiền mua 01 số x 18 lô x 5.000 đồng = 90.000 đồng; Số đá 38-83 với số tiền 1.000 đồng/1 lô, nên số tiền mua 02 số x 18 lô x 1.000 đồng = 36.000 đồng; Số đá 78-87 với số tiền

1.000 đồng/1 lô, nên số tiền mua là $02 \text{ số} \times 18 \text{ lô} \times 1.000 \text{ đồng} = 36.000 \text{ đồng}$;

- Đài Đồng Nai: Số đá 38-83 với số tiền 1.000 đồng/1 lô, nên số tiền mua $02 \text{ số} \times 18 \text{ lô} \times 1.000 \text{ đồng} = 36.000 \text{ đồng}$; Số đá 78-87 với số tiền 1.000 đồng/1 lô, nên số tiền mua $02 \text{ số} \times 18 \text{ lô} \times 1.000 \text{ đồng} = 36.000 \text{ đồng}$.

- Đài Sóc Trăng: Số đá 38-83 với số tiền 1.000 đồng/1 lô, nên số tiền mua là $02 \text{ số} \times 18 \text{ lô} \times 1.000 \text{ đồng} = 36.000 \text{ đồng}$;

Kết quả sổ số không trúng nên tổng số tiền mà Lê Thị L và Ngô Thị Kim F đưa vào đánh bạc là 270.000 đồng.

2. Nguyễn Thị P, sinh năm 1965, nơi cư trú: ấp Phú Hội, xã Phú H, huyện Châu T, tỉnh Bến Tre số đá 63-76 hai đài Cần Thơ, Đồng Nai với số tiền 1.000 đồng/1 lô, nên số tiền mua $02 \text{ số} \times 02 \text{ đài} \times 18 \text{ lô} \times 1.000 \text{ đồng} = 72.000 \text{ đồng}$. Kết quả sổ số P trúng với số tiền 500.000 đồng. Tổng số tiền đưa vào đánh bạc của Lê Thị L và Nguyễn Thị P là 572.000 đồng.

* Tổng số tiền Lê Thị L đưa vào đánh bạc trong ngày 13/12/2023 là 842.000 đồng (Trong đó: tiền mua số đề là 342.000 đồng, tiền trúng đề là 500.000 đồng).

* Ngày 14/12/2023, Lê Thị L bán cho:

1. Mai Thị P, sinh năm 1959, nơi cư trú: ấp Định K, xã Phú H, huyện Châu T, tỉnh Bến Tre bao lô số 83, đài Tây Ninh với số tiền 5.000 đồng/1 lô, nên mua $01 \text{ số} \times 18 \text{ lô} \times 5.000 \text{ đồng} = 90.000 \text{ đồng}$; Số 83 đầu - đuôi đài Tây Ninh với số tiền 10.000 đồng, nên số tiền mua đầu 10.000 đồng; đuôi 10.000 đồng = 20.000 đồng. Lúc bắt quả tang chưa có kết quả xổ số nên số tiền đưa vào đánh bạc của Lê Thị L và Mai Thị P là 110.000 đồng.

2. Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1972, nơi cư trú: ấp Tân Hòa, xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre số đá 42-82-92, hai đài Tây Ninh, An Giang với số tiền 1.000 đồng/1 lô, nên số tiền mua $03 \text{ số} \times 02 \text{ đài} \times 18 \text{ lô} \times 1.000 \text{ đồng} = 108.000 \text{ đồng}$. Lúc bắt quả tang chưa có kết quả xổ số nên số tiền mà Lê Thị L và Nguyễn Thị Mỹ P đưa vào đánh bạc là 108.000 đồng.

3. Nguyễn Thị Kim F, sinh năm 1985, nơi cư trú: ấp Định K, xã Phú H, huyện Châu T, tỉnh Bến Tre bao lô số 75, hai đài Tây Ninh, An Giang với số tiền 5.000 đồng/1 lô, nên số tiền đưa mua $01 \text{ số} \times 18 \text{ lô} \times 5.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ đài} = 180.000 \text{ đồng}$; Số 75, đầu-đuôi, hai đài Tây Ninh, An Giang, số tiền 5.000 đồng, nên số tiền mua đầu 5.000 đồng; đuôi $5.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ đài} = 20.000 \text{ đồng}$; Bao lô số 534, hai đài Tây Ninh, An Giang, số tiền 2.000 đồng, nên số tiền mua $01 \text{ số} \times 17 \text{ lô} \times 2.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ đài} = 68.000 \text{ đồng}$; Số 35, đầu-đuôi, hai đài Tây Ninh, An Giang, số tiền 5.000 đồng, nên số tiền mua đầu 5.000 đồng; đuôi $5.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ đài} = 20.000 \text{ đồng}$. Lúc bắt quả tang chưa có kết quả xổ số nên số tiền đưa vào đánh bạc của Lê Thị L và Nguyễn Thị Kim F là 288.000 đồng.

4. Trương L G, sinh năm 1968, nơi cư trú: ấp Tân Đông, xã Tân Phú, huyện Châu T, tỉnh Bến Tre bao lô số 97, 68, 77, hai đài Tây Ninh, An Giang số tiền 1.000 đồng/1 lô, nên số tiền mua 03 số x 18 lô x 02 đài x 1.000 đồng = 108.000 đồng; Số 97, đầu - đuôi, hai đài An Giang, Tây Ninh với số tiền 10.000 đồng, nên số tiền mua đầu 10.000 đồng; đuôi 10.000 đồng x 02 đài = 40.000 đồng. Lúc bắt quả tang chưa có kết quả xổ số nên số tiền mà Lê Thị L và Trương L G đưa vào đánh bạc là 148.000 đồng.

Tổng số tiền Lê Thị L đưa vào đánh bạc trong ngày 14/12/2023 là 654.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Lê Thị L đã đưa vào đánh bạc trong các ngày 11, 13 và 14/12/2023 là 1.622.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2025/HS-ST ngày 10/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị L phạm tội “Đánh bạc”;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thị L 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/02/2025, bị cáo Lê Thị L kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Thị L phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 08 tháng tù là phù hợp; kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị L 08 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo bị nhiều bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định:

Mặc dù đã bị kết án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích nhưng vào các ngày 11/12/2023, 13/12/2023 và 14/12/2023, tại quán cà phê “Năm Mi” ở ấp Định K, xã Phú H, huyện Châu T, tỉnh Bến Tre, bị cáo Lê Thị L đã có hành vi bán số đề cho nhiều người, cụ thể:

- Ngày 11/12/2023, Lê Thị L bán số đề đài T phố Hồ Chí Minh, đài Đồng Tháp cho Nguyễn Thị Thanh T và Trương Thị K với tổng số tiền đưa vào đánh bạc là 126.000 đồng;

- Ngày 13/12/2023, Lê Thị L bán số đề đài Đồng Nai, đài Cần Thơ, đài Sóc Trăng cho Ngô Thị Kim F và Nguyễn Thị P với tổng số tiền đưa vào đánh bạc là 842.000 đồng;

- Ngày 14/12/2023, Lê Thị L bán số đề đài Tây Ninh, đài An Giang cho Mai Thị P, Nguyễn Thị Mỹ P, Nguyễn Thị Kim F và Trương L G với tổng số tiền đưa vào đánh bạc là 654.000 đồng;

Tổng số tiền bị cáo Lê Thị L đưa vào đánh bạc trong các ngày 11, 13 và 14/12/2023 là 1.622.000 đồng.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; mặc dù đã bị kết án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 1.622.000 đồng; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng xã hội. Với ý thức, hành vi, nhân thân và tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc trái phép, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Thị L phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Bị cáo đã bị kết án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích, vào các ngày 11, 13 và 14/12/2023 có hành vi bán số đề cho nhiều người nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo *T khẩn khai báo, ăn năn hối cải* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo *có cha là người có công với đất nước, có chú là liệt sĩ, bị cáo không biết chữ* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo 08 tháng tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Mặc dù bị cáo phạm tội có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, sau khi phạm tội đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có người thân có công với đất nước, bản thân bị cáo là người cao tuổi và không biết chữ, đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân bị cáo thấy rằng vào năm 2020 đã bị Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Bến Tre kết án về tội *Đánh bạc*, xử phạt số tiền 20.000.000 đồng; đến ngày 07/4/2022 lại bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre kết án về tội *Đánh bạc*, xử phạt 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, mặc dù chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội *Đánh bạc* có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*”, điều đó đã thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp đơn thuốc chẩn đoán bị bệnh tăng huyết áp, đái tháo đường, bệnh trào ngược dạ dày - thực quản không có viêm thực quản, khó tiêu chức năng để yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, tuy nhiên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 08 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra và nhân thân của bị cáo. Xét thấy, quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do thuộc trường hợp là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 08/2025/HS-ST ngày 10/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Bến Tre.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thị L 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23, Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Lê Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Châu T (3b);
- VKSND huyện Châu T (1b);
- F cục THADS huyện Châu T (1b);
- UBND xã Phú H, h. Châu T (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông